

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 4 - 2022

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phương Thanh

2. Ông Trần Thanh Khen

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
không tham gia

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khóm 5, phường A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 44, tổ 3 ấp B, xã C, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N trình bày: Chị và anh T tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Nay Chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị ly hôn với anh T

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phan Thanh T1, sinh ngày 23/01/2014, khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có nợ chung.

Do bận làm thuê khó xin nghỉ nên chị yêu cầu tòa án cho chị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì mới.

- Tại bản tự khai ngày 18/3/2022 bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với chị N

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phan Thanh T1, sinh ngày 23/01/2014, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh cam kết không có nợ chung.

Do bận làm thuê nên anh cũng đề nghị cho anh được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N và bị đơn anh Nguyễn Thanh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N: Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Chị N xin vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T, phía anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở.

[3] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N với anh T là giao cháu Nguyễn Phan Thanh T1, sinh ngày 23/01/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Hồng N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Thanh T1, sinh ngày 23/01/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Ngược lại người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Hồng N nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003625 ngày 18/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện